

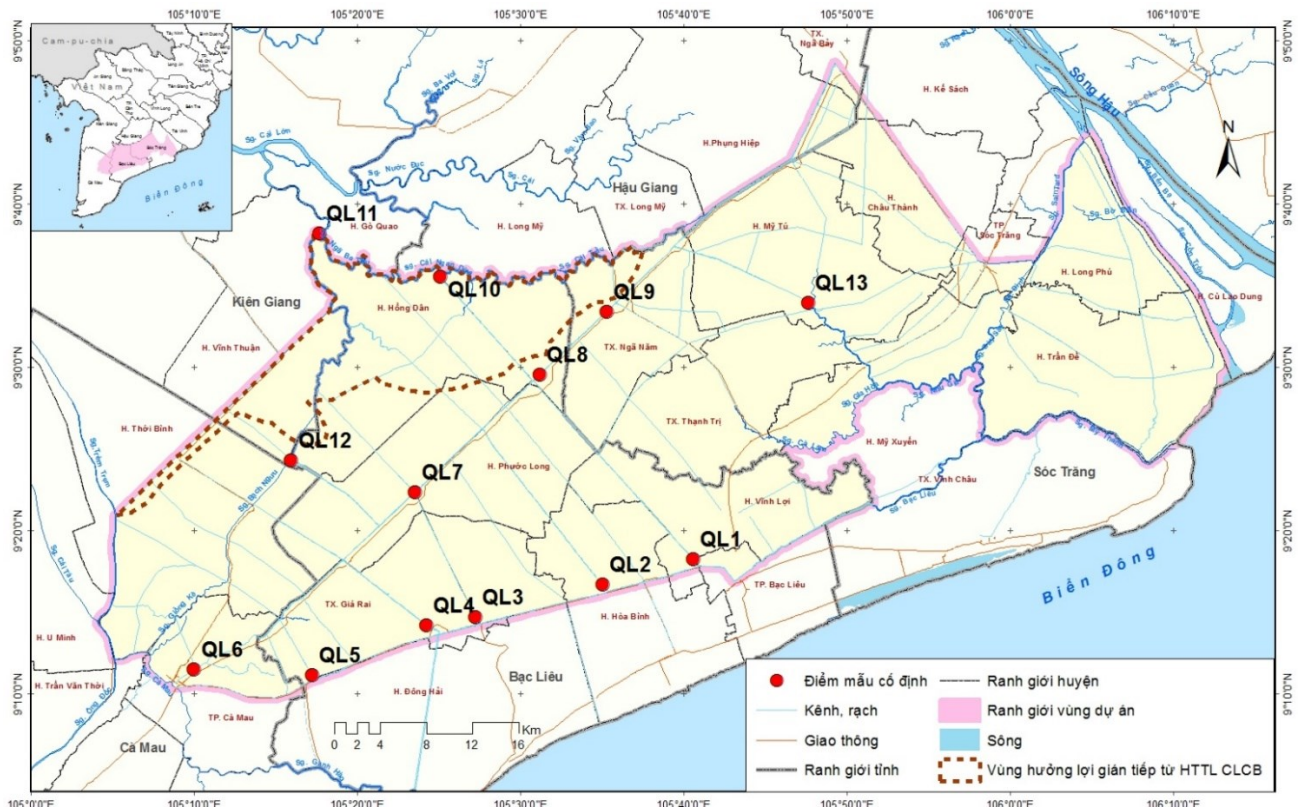
BẢN TIN TUẦN KỲ 11

“Đợt đo ngày 08/5/2024, dự báo từ 15/5/2024 đến 21/5/2024”

I. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 08/5/2024

1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được chọn để bảo đảm không chệch đều chất lượng nước trong khu vực giám sát, kiểm soát được các tác động bên ngoài, đánh giá được các nguồn thải, phục vụ cho mô hình dự báo chất lượng nước. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Bảng 1: Kết quả đo đặc chất lượng nước tại 13 vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	PO ₄ ³⁻	NH ₄ ⁺	NO ₂ ⁻	NO ₃ ⁻	Fe ^{TS}	Coliform	WQI	Khuyến cáo
			‰	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l					MPN/ 100ml		
TT	QCVN 08- MT:2015/BTNM T Cột B1 (*)	5,5-9		50	≥4	15	30	0,3	0,9	0,05	10	1,5	7.500	WQI	Khuyến cáo
	QCVN08- MT:2023/BTNM T (Bảng 2, mức B) (*)	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15						≤5.000		
1	Trong cống Cầu Sập trên kênh Quản Lộ – Bạc Liêu (QL1)	7,29	1,5	46,17	4,52	19,50	36,5	0,03	4,28	0,24	0,25	0,43	34000	30	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, không đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cụ thể, không sử dụng nước tưới cho rau màu vì Coliform rất cao vượt ngưỡng.
2	Trong cống Vĩnh Mỹ trên kênh Phước Long – Vĩnh Mỹ (QL2)	7,94	1,1	89,3	6,07	13,50	24,6	0,02	0,89	0,14	0,10	1,08	4700	68	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy

																nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.
3	Trong cống Phó Sinh trên kênh Quản Lộ - Giá Rai (QL3)	7,28	25,1	19,66	5,60	12,40	20,4	0,06	0,23	0,09	0,10	0,78	6400	70	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, cần xử lý ô nhiễm hữu cơ, NO ₂ ⁻ và Coliform trước khi đưa nước vào ao nuôi.	
4	Trong cống Chủ Chí trên kênh Hộ Phòng (QL4)	7,43	24,5	13,8	5,72	10,50	18,4	0,05	0,24	0,08	0,11	0,67	5800	73	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, cần xử lý ô nhiễm hữu cơ, NO ₂ ⁻ và Coliform trước khi đưa nước vào ao nuôi.	
5	Trong cống Láng Trâm trên kênh xáng Láng Trâm	7,32	25,7	22,75	5,32	17,50	30,2	0,10	0,56	0,14	0,15	0,47	7600	57	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm	

																ơ, NO ₂ ⁻ , Fe và Coliform trước khi đưa vào ao nuôi.
8	Trong âu thuyền Ninh Quới trên kênh Quản Lộ Phụng Hiệp (QL8)	6,8	1,5	50,09	5,36	8,20	14,6	0,06	0,75	0,04	0,05	0,64	6900	72	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.	
9	Điểm lấy mẫu ở vị trí Cống Đá trên kênh Quản Lộ-Phụng Hiệp (QL9)	7,43	0,3	83,2	4,45	9,12	16,9	0,07	1,15	0,04	0,07	1,92	17000	38	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, không đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần lưu ý xử lý nước ô nhiễm hữu cơ, Fe và Coliform trước khi đưa vào ao nuôi.	
10	Điểm giao trên kênh xáng Ngan Dừa với rạch Xẻo Chít (QL10)	6,7	8,9	12,47	5,29	9,60	19,2	0,08	1,18	0,05	0,06	0,73	18000	39	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, không đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần lưu ý xử lý	

																nước ô nhiễm hữu cơ, amoni và Coliform trước khi đưa vào ao nuôi.
11	Điểm lấy mẫu ở vị trí Ngã Ba Đình trên sông Cái Lớn (QL11)	6,92	14,4	31,1	5,86	10,50	18,5	0,10	0,17	0,43	0,29	0,37	8400	62	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần chú ý xử lý nước trước khi đưa vào ao nuôi do chỉ số ô nhiễm hữu cơ và Coliform cao	
12	Điểm giao kênh Phong Thạnh Tây với sông Bạch Ngưu (QL12)	6,95	28,3	10,38	5,78	13,70	23,4	0,15	1,21	0,03	0,04	0,35	11000	38	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, không đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần chú ý xử lý nước trước khi đưa vào ao nuôi do chỉ số ô nhiễm hữu cơ, và Coliform cao vượt ngưỡng.	

13	Trong cống Mỹ Phước trên kênh xáng Mỹ Phước (QL13)	7,75	0,6	16,72	4,99	8,90	15,7	0,06	1,20	0,04	0,07	1,00	9500	56	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.
Khuyến cáo chung:		<p>- Nhìn chung, độ mặn trong tiểu vùng ngọt hóa và chuyển đổi được kiểm soát tốt. Độ mặn tại tất cả các vị trí đều nhỏ hơn 2‰ đảm bảo cho việc lấy nước cho trồng trọt. Độ mặn trong tiểu vùng chuyển đổi nằm trong ngưỡng thích hợp nuôi tôm.</p> <p>- Đoạn cuối kênh QLPH tại phía cống Cà Mau có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng rất cao, không phù hợp lấy nước sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, khu vực phía sau cống Cầu Sập cũng có bị ô nhiễm Coliform khá cao, không tươi cho rau màu.</p> <p>- Tại một số vị trí trong tiểu vùng ngọt hóa có nguồn nước bị nhiễm phèn (Fe^{TS}) khá cao sẽ không tốt trong giai đoạn phát triển của lúa non. Cần thận trọng khi đưa nước vào ruộng quanh khu vực vị trí cống Đá.</p>													

Ghi chú: () Theo QCVN 08-MT:2023/BTNMT được quy định tại mục 2.3 – Nguyên tắc đánh giá, phân loại CLN theo Bảng 2 thì giá trị trung bình số học của tối thiểu 10 lần quan trắc/năm. Với điều kiện này thì chưa đủ để đánh giá phân loại, do đó trong bản tin này sẽ sử dụng QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 để so sánh và có đối chiếu với QCVN 08:2023/BTNMT để làm cơ sở nhận định đưa ra những khuyến cáo về chất lượng nước.*

Ghi chú: Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

1. Dự báo chất lượng nước ngày 15/5÷21/5/2024

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, NH₄⁺ từ ngày 15/5/2024 đến 21/5/2024 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

1.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 15/5÷21/5/2024 dao động trong khoảng 0,1÷25,7‰. Tại tiểu vùng ngọt hóa, hầu hết độ mặn dự báo dao động từ 0,1÷2,3‰ tại các vị trí, nên đảm bảo nguồn nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp. Tại tiểu vùng chuyển đổi, độ mặn đáp ứng được nhu cầu cấp nước mặn cho việc nuôi trồng thủy sản (>5‰) tại tất cả các vị trí.

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 15/5÷21/5/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							‰	
		15/05	16/05	17/05	18/05	19/05	20/05	21/5	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	0,7	1,4	1,8	1,5	0,5	0,5	0,7	0,5	1,8
QL2		0,8	0,7	0,6	0,6	0,1	0,3	0,6	0,1	0,8
QL8		1,6	1,6	1,7	1,9	2,3	2,1	2,0	1,6	2,3
QL9		0,6	0,4	0,2	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,6
QL13		0,3	0,3	0,3	0,3	0,2	0,1	0,1	0,1	0,3
QL3	Chuyển đổi	25,7	25,7	25,4	24,8	24,0	22,4	21,8	21,8	25,7
QL4		22,1	22,4	22,9	23,4	23,4	23,1	23,4	22,1	23,4
QL5		23,6	23,6	23,6	23,6	23,4	23,2	23,0	23,0	23,6
QL6		24,8	24,6	24,5	24,0	22,6	21,4	19,9	19,9	24,8
QL7		20,0	19,9	20,2	21,0	21,9	22,6	23,1	19,9	23,1
QL10		6,8	7,5	8,2	8,7	7,8	6,3	5,1	5,1	8,7
QL11		9,3	8,2	8,3	8,3	8,2	8,1	8,0	8,0	9,3
QL12		16,7	19,2	22,5	25,3	25,0	24,4	24,1	16,7	25,3
Ranh mặn		<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					

1.2. Oxy hòa tan (DO)

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 15/5÷21/5/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		15/05	16/05	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	4,11	4,14	4,27	4,47	4,70	4,87	4,90	4,11	4,90
QL2		6,00	6,01	6,02	5,97	5,92	5,90	5,92	5,90	6,02
QL8		5,36	5,35	5,35	5,35	5,35	5,35	5,35	5,35	5,36
QL9		5,44	5,43	5,44	5,44	5,44	5,45	5,46	5,43	5,46
QL13		5,35	5,37	5,42	5,47	5,50	5,52	5,53	5,35	5,53
QL3	Chuyển đổi	5,45	5,45	5,45	5,45	5,45	5,44	5,44	5,44	5,45
QL4		5,41	5,41	5,41	5,41	5,41	5,41	5,41	5,41	5,41
QL5		5,83	5,84	5,85	5,90	5,99	6,05	6,06	5,83	6,06
QL6		4,27	4,16	4,06	3,95	3,84	3,72	3,61	3,61	4,27
QL7		4,83	4,81	4,81	4,81	4,81	4,82	4,91	4,81	4,91
QL10		5,43	5,48	5,53	5,58	5,65	5,70	5,73	5,43	5,73
QL11	6,12	6,14	6,17	6,22	6,27	6,29	6,30	6,12	6,30	

QL12		5,44	5,43	5,43	5,44	5,44	5,46	5,47	5,43	5,47
QCVN 08:2015 (Cột A1)		≥6								
QCVN 08:2015 (Cột B1)		≥4								
Vượt cột B1		<4								

Hàm lượng DO dự báo dao động trong tuần từ 3,61÷6,3 mg/l. Hầu hết các vị trí đều có hàm lượng DO đạt QCVN08 MT:2015/BTNMT cột B1 đảm bảo nhu cầu cấp nước canh tác nông nghiệp. Trong tiểu vùng chuyển đổi, hàm lượng oxy hòa tan tại hầu hết các vị trí đều trong ngưỡng cột B1 theo QCVN08 MT:2015/BTNMT, đảm bảo cấp nước cho nuôi trồng thủy sản. Riêng tại cống Cà Mau có vài thời điểm thấp dưới ngưỡng cột B1, cần chú ý xử lý trước khi lấy nước cho nuôi trồng thủy sản.

1.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong tuần dao động từ 8,48÷19,87 mg/l. Hầu hết các vị trí có hàm lượng BOD₅ dự báo đạt ngưỡng cột B1 theo QCVN08 MT:2015/BTNMT, đảm bảo phục vụ cấp nước cho canh tác nông nghiệp. Ngoại trừ tại cống Láng Trâm, Cà Mau (QL6) và ngã tư Phó Sinh, nguồn nước có hàm lượng BOD₅ dự báo trong tuần cao vượt ngưỡng cột B1, cần chú ý xử lý nguồn nước trước khi đưa vào ao nuôi.

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 15/5÷21/5/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		15/05	16/05	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	15,70	17,57	18,11	17,01	15,01	13,53	13,13	13,13	18,11
QL2		14,87	14,72	14,58	14,31	13,89	13,55	13,58	13,55	14,87
QL8		8,88	8,98	9,16	9,39	9,62	9,77	9,85	8,88	9,85
QL9		9,66	9,52	9,55	9,78	10,04	10,18	10,22	9,52	10,22
QL13		9,10	9,01	8,76	8,60	8,50	8,48	8,48	8,48	9,10
QL3	Chuyển đổi	15,74	15,25	14,87	14,73	14,75	14,95	15,12	14,73	15,74
QL4		10,65	10,82	10,99	11,11	11,15	11,14	11,07	10,65	11,15
QL5		16,28	16,22	15,97	15,79	15,78	16,05	17,03	15,78	17,03
QL6		19,87	18,25	15,94	14,37	13,99	14,33	15,07	13,99	19,87
QL7		15,23	15,56	15,55	15,35	15,16	15,06	15,11	15,06	15,56
QL10		8,72	8,76	8,81	8,86	8,91	9,08	9,13	8,72	9,13
QL11		10,27	10,23	10,14	10,08	10,07	10,13	10,29	10,07	10,29
QL12		12,74	13,01	13,34	13,24	13,06	12,95	12,91	12,74	13,34
QCVN 08:2015 Cột A1		4								
QCVN 08:2015 Cột B1		15								
Vượt cột B1		>15								

1.4. Amoni (NH₄⁺)

Bảng 5: Giá trị dự báo NH₄⁺ tại các điểm giám sát từ 15/5÷21/5/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		15/05	16/05	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	2,05	2,33	2,45	2,48	2,45	2,31	2,17	2,05	2,48
QL2		1,44	1,04	0,71	0,52	0,60	0,62	0,79	0,52	1,44
QL8		1,19	1,19	1,21	1,23	1,23	1,20	1,18	1,18	1,23

QL9	Chuyển đổi	0,93	0,92	0,92	0,93	0,93	0,94	0,95	0,92	0,95	
QL13		0,85	0,81	0,77	0,75	0,74	0,73	0,73	0,73	0,85	
QL3		0,62	0,59	0,58	0,58	0,59	0,62	0,67	0,58	0,67	
QL4		0,65	0,62	0,59	0,57	0,57	0,56	0,56	0,56	0,65	
QL5		0,63	0,63	0,66	0,72	0,76	0,78	0,80	0,63	0,80	
QL6		0,82	0,77	0,72	0,68	0,67	0,68	0,74	0,67	0,82	
QL7		0,45	0,44	0,43	0,42	0,42	0,41	0,41	0,41	0,45	
QL10		0,85	0,85	0,84	0,84	0,84	0,81	0,78	0,78	0,85	
QL11		0,23	0,23	0,23	0,22	0,20	0,17	0,15	0,15	0,23	
QL12		0,93	1,00	1,07	1,13	1,17	1,18	1,18	0,93	1,18	
QCVN 08:2015 Cột A1		0,3									
QCVN 08:2015 Cột B1		0,9									
Vượt cột B1	> 0,9										

Giá trị NH_4^+ dự báo trong tuần dao động từ 0,15÷2,48 mg/l. Trong tiểu vùng ngọt hóa, hàm lượng amoni vượt cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT tại hầu hết các vị trí, tuy nhiên vẫn có thể dùng nước cho tưới tiêu trồng trọt. Đối với chuyển đổi, hàm lượng amoni nằm trong ngưỡng cột A1 đến cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT tại hầu hết các vị trí, đảm bảo nhu cầu cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. Ngoại trừ, tại kênh Phong Thạnh Tây dự báo hàm lượng amoni trong tuần cao vượt ngưỡng cột B1 từ 1÷1,3 lần.

Khuyến cáo: Trong thời gian dự báo, độ mặn tại các tiểu vùng đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp. Hàm lượng BOD_5 dự báo tại cống Láng Trâm, Cà Mau (QL6), ngã tư Phó Sinh cao vượt ngưỡng cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT vào hầu hết ngày trong tuần, cần xử lý nguồn nước trước khi đưa vào ao nuôi. Hàm lượng amoni dự báo trong tiểu vùng chuyển đổi đảm bảo cho nuôi trồng thủy sản, ngoại trừ điểm tại kênh Phong Thạnh Tây.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (đề b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (đề b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (đề b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (đề b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB



Phạm Văn Tùng